

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI  
SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 26



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần bến bãi vận tải Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**1. Thông tin chung**

Công ty cổ phần bến bãi vận tải Sài Gòn ("Công ty") (chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty bến bãi vận tải Thành phố) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 08 tháng 11 năm 2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-8) 37 161 333
- Fax : (84-8) 37 160 891

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty có các chi nhánh:

<u>Chi nhánh</u>	<u>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động</u>	<u>Địa chỉ</u>
Bến xe Ngã tư Ga	Số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09/05/2013	720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Bến xe An Sương	Số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16/03/2012	Ngã tư An Sương, Quốc lộ 22, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

Trong năm 2015, hoạt động chính của Công ty là dịch vụ lưu đậu xe tải, vận chuyển hành khách liên tỉnh, hoạt động xe buýt và dịch vụ hỗ trợ.

Theo thông báo số 1304/TB-SGDHN ngày 19 tháng 11 năm 2015, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo chính thức đưa số cổ phiếu của Công ty cổ phần bến bãi vận tải Sài Gòn vào giao dịch trên thị trường UPCoM.

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần bến bãi vận tải Sài Gòn.

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

Mã chứng khoán: TPS

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND.

Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 1.600.000 cổ phiếu.

Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 16.000.000.000

Ngày giao dịch đầu tiên: ngày 01/12/2015

**2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Phạm Tiến Dũng	Chủ tịch	27/04/2011
Ông Nguyễn Tấn Lộc	Phó Chủ tịch	27/04/2011
Bà Lê Thúy Hằng	Ủy viên	27/04/2011
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Ủy viên	27/04/2011
Ông Tạ Chương Chính	Ủy viên	01/07/2014

**Ban kiểm soát**

	<u>Chức vụ</u>	
Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ	Trưởng ban	27/04/2011



**Ban điều hành**

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Phạm Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	28/04/2011	
Ông Nguyễn Tấn Lộc	Phó Tổng Giám đốc	28/04/2011	01/01/2016
Ông Võ Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	28/04/2011	01/01/2016
Ông Tạ Chương Chính	Phó Tổng Giám đốc	21/04/2014	
Ông Trần Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2016	

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Tiến Dũng	Tổng Giám đốc

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

---

**PHẠM TIẾN DŨNG**

Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2016



*Phạm Tiến Dũng*

Số: 212/2016/BCKT-HCM.00348

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty cổ phần bến bãi vận tải Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần bến bãi vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần bến bãi vận tải Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**BUI TUYẾT VÂN**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0071-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2016

**TRẦN THỊ HOÀNG YẾN**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2131-2013-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>23.564.763.547</b>	<b>20.600.704.246</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>5.007.963.680</b>	<b>1.938.920.147</b>
Tiền	111		3.007.963.680	1.938.920.147
Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15.200.000.000</b>	<b>15.400.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	15.200.000.000	15.400.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.337.069.195</b>	<b>3.259.584.075</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	210.788.931	263.453.898
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	309.999.300	67.885.900
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	816.280.964	928.244.277
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>19.730.672</b>	<b>2.200.024</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	19.730.672	2.200.024
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>13.388.291.844</b>	<b>14.872.639.382</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.163.403.638</b>	<b>12.677.309.438</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	3.698.142.781	5.004.680.229
Nguyên giá	222		23.233.314.200	23.233.314.200
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.535.171.419)	(18.228.633.971)
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	7.465.260.857	7.672.629.209
Nguyên giá	228		9.440.419.030	9.440.419.030
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.975.158.173)	(1.767.789.821)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.224.888.206</b>	<b>2.065.702.675</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	2.224.888.206	2.065.702.675
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>129.627.269</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	129.627.269
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>36.953.055.391</b>	<b>35.473.343.628</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.058.577.588</b>	<b>6.451.733.757</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.058.577.588</b>	<b>6.451.733.757</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	115.183.019	89.044.144
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.067.452.656	745.307.229
Phải trả người lao động	314		3.241.525.654	3.234.658.761
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		108.919.448	76.471.852
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		28.611.475	8.795.455
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	990.385.500	1.051.662.400
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.13	1.506.499.836	1.245.793.916
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>29.894.477.803</b>	<b>29.021.609.871</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.14	<b>29.894.477.803</b>	<b>29.021.609.871</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		16.000.000.000	16.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.000.000.000	16.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.966.408.366	4.356.315.198
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.928.069.437	8.665.294.673
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.969.968.585	2.564.362.987
LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.958.100.852	6.100.931.686
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>36.953.055.391</b>	<b>35.473.343.628</b>



**NGUYỄN THỊ NGỌC DUY**  
Người lập biểu



**BÔ KIM THU NGA**  
Kế toán trưởng



**PHẠM TIẾN DŨNG**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh ngày 01 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	6.1	<b>30.294.296.283</b>	<b>26.197.870.709</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>30.294.296.283</b>	<b>26.197.870.709</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.2	<b>19.535.895.784</b>	<b>14.140.736.115</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>10.758.400.499</b>	<b>12.057.134.594</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.077.185.346	1.084.424.292
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	5.483.167.392	5.367.552.038
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>6.352.418.453</b>	<b>7.774.006.848</b>
Thu nhập khác	31	6.5	44.579.670	68.322.071
Chi phí khác	32		-	16.083.898
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>44.579.670</b>	<b>52.238.173</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>6.396.998.123</b>	<b>7.826.245.021</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.11	1.438.897.271	1.725.313.335
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>4.958.100.852</b>	<b>6.100.931.686</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.479	3.050

NGUYỄN THỊ NGỌC DUY  
Người lập biểu

BÒ KIM THU NGA  
Kế toán trưởng



PHẠM TIẾN DŨNG  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh ngày 01 tháng 3 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	2015 VND	2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	6.396.998.123	7.826.245.021
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.513.905.800	1.479.644.044
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.077.185.346)	(1.084.424.292)
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>6.833.718.577</b>	<b>8.221.464.773</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(95.015.768)	276.973.391
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	-
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	380.985.134	1.169.901.135
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	129.627.269	(22.454.553)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.403.375.391)	(1.714.525.047)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	6.830.000	32.430.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.271.357.000)	(1.269.218.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4.581.412.821</b>	<b>6.694.571.199</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(159.185.531)	(1.759.361.032)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	120.000.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.200.000.000)	(17.400.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	15.400.000.000	10.600.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.166.816.243	393.075.394
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.207.630.712</b>	<b>(8.046.285.638)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.720.000.000)	(2.240.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.720.000.000)</b>	<b>(2.240.000.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>3.069.043.533</b>	<b>(3.591.714.439)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>1.938.920.147</b>	<b>5.530.634.586</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>5.007.963.680</b>	<b>1.938.920.147</b>

NGUYỄN THỊ NGỌC DUY  
Người lập biểu

BÔ KIM THU NGA  
Kế toán trưởng



PHẠM TIẾN DŨNG  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh ngày 01 tháng 3 năm 2016



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần bến bãi vận tải Sài Gòn ("Công ty") là công ty cổ phần (chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty bến bãi vận tải Thành phố) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 08 tháng 11 năm 2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe;
- Tổ chức vận chuyển hành khách liên tỉnh qua bến xe và các phương tiện vận tải hành khách lưu đậu tại bến;
- Tham gia vận tải hành khách liên tỉnh theo Hợp đồng kinh tế;
- Tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải;
- Trung chuyển hàng hóa trong thành phố và vận chuyển hàng hóa đường bộ liên tỉnh bằng Hợp đồng kinh tế;
- Kinh doanh kho chứa hàng hóa; và
- Môi giới vận chuyển hàng hóa, giáo dục dạy nghề.

### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 1.5 Cấu trúc của Công ty

#### Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<u>Chi nhánh</u>	<u>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động</u>	<u>Địa chỉ</u>
Bến xe Ngã tư Ga	Số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09/05/2013	720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Bến xe An Sương	Số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16/03/2012	Ngã tư An Sương, Quốc lộ 22, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

### 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

## **1.7 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số nhân viên của Công ty là 114 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 116 người).

## **2. NĂM TÀI CHÍNH**

### **2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



#### **4.3 Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

#### **4.5 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm chi phí sửa chữa bến bãi được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

#### **4.6 Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

#### Loại tài sản cố định

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Dụng cụ văn phòng	03 - 08 năm

### 4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chi phí giải tỏa mặt bằng bến xe Ngã tư Ga được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 45 năm.

### 4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### **4.12 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 4.15 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 4.16 Công cụ tài chính

#### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



#### 4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Tổng công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – Samco	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH vận tải Kumho Samco Buslines	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần Công trình Giao thông Quận 8	Công ty cùng tập đoàn
Xí nghiệp Cơ khí Ô tô An Lạc	Công ty cùng tập đoàn

#### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt – VND	63.031.068	68.473.362
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	2.944.932.612	1.870.446.785
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 01 tháng - VND	2.000.000.000	-
	<b>5.007.963.680</b>	<b>1.938.920.147</b>

\* Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SEABANK), theo hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTĐ-SBTP ngày 16 tháng 12 năm 2015 với lãi suất 4,9%/năm.

##### 5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn trên 3 tháng – VND	15.200.000.000	15.400.000.000
	<b>15.200.000.000</b>	<b>15.400.000.000</b>

\* Chi tiết khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng thương mại như sau:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hóc Môn	10.200.000.000	10.200.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	5.000.000.000	5.200.000.000
	<b>15.200.000.000</b>	<b>15.400.000.000</b>

##### 5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu khách hàng – bên thứ ba	210.788.931	263.453.898
	<b>210.788.931</b>	<b>263.453.898</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty TNHH Xây dựng Lê Đức	234.504.800	-
Các nhà cung cấp khác	75.494.500	67.885.900
	<b>309.999.300</b>	<b>67.885.900</b>

**5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – Samco	2.000.000.000	2.000.000.000
	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>

**5.6 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Lãi dự thu – Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – Samco	10.684.667	12.193.333
Lãi dự thu – tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	591.033.334	679.155.565
Phải thu về cổ phần hóa	116.346.796	116.346.796
Phải thu chi phí dự án bến xe Long Trường	87.433.886	87.433.886
Phải thu khác	10.782.281	33.114.697
	<b>816.280.964</b>	<b>928.244.277</b>

**5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2015	20.579.495.608	549.262.680	1.923.084.821	181.471.091	23.233.314.200
Tại ngày 31/12/2015	20.579.495.608	549.262.680	1.923.084.821	181.471.091	<b>23.233.314.200</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2015	16.650.042.546	357.606.751	1.104.721.180	116.263.494	18.228.633.971
Khấu hao trong năm	1.039.954.022	69.474.390	175.363.637	21.745.399	1.306.537.448
Tại ngày 31/12/2015	17.689.996.568	427.081.141	1.280.084.817	138.008.893	<b>19.535.171.419</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2015	3.929.453.062	191.655.929	818.363.641	65.207.597	5.004.680.229
Tại ngày 31/12/2015	2.889.499.040	122.181.539	643.000.004	43.462.198	<b>3.698.142.781</b>

*Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:*

Tại ngày 01/01/2015	10.473.130.282	158.970.792	870.903.000	72.129.091	11.575.133.165
Tại ngày 31/12/2015	13.536.198.736	246.270.792	870.903.000	109.034.091	<b>14.762.406.619</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN  
 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2015	9.440.419.030	9.440.419.030
Tại ngày 31/12/2015	9.440.419.030	<b>9.440.419.030</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2015	1.767.789.821	1.767.789.821
Khấu hao trong năm	207.368.352	207.368.352
Tại ngày 31/12/2015	1.975.158.173	<b>1.975.158.173</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2015	7.672.629.209	7.672.629.209
Tại ngày 31/12/2015	7.465.260.857	<b>7.465.260.857</b>

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2015 VND	Phát sinh tăng VND	Kết chuyển sang TSCĐ VND	31/12/2015 VND
Dự án bến xe Long Trường	100.062.842		-	100.062.842
Dự án cải tạo nâng cấp bến xe An Sương	1.820.076.197	11.360.000	-	1.831.436.197
Công trình nhà ga hành khách bến xe An Sương	-	83.824.235	-	83.824.235
Lắp đặt nhà thép khu sửa chữa bến xe Ngã Tư Ga	145.563.636	64.001.296	-	209.564.932
	<b>2.065.702.675</b>	<b>159.185.531</b>	-	<b>2.224.888.206</b>

**5.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Công ty cổ phần Công trình giao thông Quận 8	16.190.814	78.263.398
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Các nhà cung cấp khác	98.992.205	10.780.746
	<b>115.183.019</b>	<b>89.044.144</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TÀI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2015		Số phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	438.013.372	2.716.634.166	(2.483.981.399)	-	670.666.139
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	307.293.857	1.438.897.271	(1.403.375.391)	-	342.815.737
Thuế thu nhập cá nhân	2.200.024	-	150.199.780	(94.028.976)	-	53.970.780
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	4.355.329.053	(4.375.059.725)	19.730.672	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.200.024</b>	<b>745.307.229</b>	<b>8.666.060.270</b>	<b>(8.361.445.491)</b>	<b>19.730.672</b>	<b>1.067.452.656</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2015 VND	2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.396.998.123	7.826.245.021
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng – chi phí không được trừ	152.239.475	143.292.863
Các khoản điều chỉnh giảm	(8.795.455)	(127.204.545)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>6.540.442.143</b>	<b>7.842.333.339</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.438.897.271</b>	<b>1.725.313.335</b>

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**5.12 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	937.585.500	841.715.000
Cổ tức phải trả	-	160.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	52.800.000	49.947.400
	<b>990.385.500</b>	<b>1.051.662.400</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5.13 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2015	Trích lập quỹ từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Thu khen thưởng	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.228.002.787	1.220.186.336	(997.155.000)	6.830.000	1.457.864.123
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	17.791.129	305.046.584	(274.202.000)	-	48.635.713
	<b>1.245.793.916</b>	<b>1.525.232.920</b>	<b>(1.271.357.000)</b>	<b>6.830.000</b>	<b>1.506.499.836</b>

**5.14 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)**

**5.14.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	16.000.000.000	2.968.978.508	844.497.218	6.758.881.403	26.572.357.129
Lãi trong năm	-	-	-	6.100.931.686	6.100.931.686
Trích lập các quỹ	-	271.419.736	271.419.736	(1.794.518.416)	(1.251.678.944)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
Kết chuyển quỹ	-	1.115.916.954	(1.115.916.954)	-	-
Tại ngày 31/12/2014	<b>16.000.000.000</b>	<b>4.356.315.198</b>	-	<b>8.665.294.673</b>	<b>29.021.609.871</b>
Lãi trong năm	-	-	-	4.958.100.852	4.958.100.852
Trích lập các quỹ	-	610.093.168	-	(2.135.326.088)	(1.525.232.920)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.560.000.000)	(2.560.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	<b>16.000.000.000</b>	<b>4.966.408.366</b>	-	<b>8.928.069.437</b>	<b>29.894.477.803</b>

**5.14.2 Chi tiết vốn góp bởi các nhà đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301114089 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 08 tháng 11 năm 2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 16.000.000.000 VND  
 Tổng số cổ phần: 1.600.000 cổ phần phổ thông  
 Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần

Chi tiết vốn góp bởi các nhà đầu tư như sau:

Chủ đầu tư	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – Samco	816.000	51,00
Công ty CP Đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP.HCM (CII)	582.600	36,41
Cổ đông – Cán bộ công nhân viên	70.400	4,40
42 cổ đông khác	131.000	8,19
	<b>1.600.000</b>	<b>100,00</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5.14.3 Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.600.000	1.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.600.000	1.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.600.000	1.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.600.000	1.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.600.000	1.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/CP.

**5.14.4 Phân phối lợi nhuận**

Trong năm 2015 Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2015 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (16%)	2.560.000.000
• Trích quỹ dự phòng tài chính (5%)	305.046.584
• Trích quỹ đầu tư phát triển (5%)	305.046.584
• Trích quỹ khen thưởng (5%)	305.046.584
• Trích lập quỹ phúc lợi (15%)	915.139.752
• Trích lập quỹ thưởng ban điều hành (5%)	305.046.584
• Lợi nhuận còn lại sau phân phối	1.405.605.598
	<b><u>6.100.931.686</u></b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.294.296.283	26.197.870.709
	<b><u>30.294.296.283</u></b>	<b><u>26.197.870.709</u></b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	19.535.895.784	14.140.736.115
	<b><u>19.535.895.784</u></b>	<b><u>14.140.736.115</u></b>



**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2015</b> VND	<b>2014</b> VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	951.382.010	940.857.625
Lãi từ cho vay ngắn hạn – Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – Samco	125.803.336	143.566.667
	<b>1.077.185.346</b>	<b>1.084.424.292</b>

**6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2015</b> VND	<b>2014</b> VND
Chi phí nhân viên	3.861.750.112	3.433.788.864
Chi phí công cụ, dụng cụ	199.299.882	195.342.710
Chi phí khấu hao tài sản cố định	197.109.036	197.109.035
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	422.373.680
Chi phí dịch vụ mua ngoài	224.237.716	276.236.241
Chi phí khác	995.770.646	842.701.508
	<b>5.483.167.392</b>	<b>5.367.552.038</b>

**6.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2015</b> VND	<b>2014</b> VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.958.100.852	6.100.931.686
Dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	991.620.170	1.220.186.336
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.966.480.682	4.880.745.350
Số lượng Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.600.000	1.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	<b>2.479</b>	<b>3.050</b>

**6.6 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2015</b> VND	<b>2014</b> VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	468.917.828	437.954.011
Chi phí nhân công	14.628.475.202	13.568.117.061
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.513.905.800	1.479.644.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.346.697.611	2.327.821.294
Chi phí khác	6.061.066.735	1.694.751.743
	<b>25.019.063.176</b>	<b>19.508.288.153</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Các giao dịch không bằng tiền**

Công ty đã ghi nhận khoản lãi dự thu cho các hợp đồng tiền gửi và cho vay:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi dự thu	601.718.001	691.348.898
	<u><b>601.718.001</b></u>	<u><b>691.348.898</b></u>

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

#### Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

### iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>			
Phải trả người bán	115.183.019	-	115.183.019
Phải trả khác và chi phí phải trả	1.099.304.948	-	1.099.304.948
	<b>1.214.487.967</b>	<b>-</b>	<b>1.214.487.967</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Phải trả người bán	89.044.144	-	89.044.144
Phải trả khác và chi phí phải trả	1.128.134.252	-	1.128.134.252
	<b>1.217.178.396</b>	<b>-</b>	<b>1.217.178.396</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**iv. Giá trị hợp lý**

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu của khách hàng</i>	210.788.931	263.453.898	210.788.931	263.453.898
<i>Phải thu khác</i>	811.280.964	897.205.240	811.280.964	897.205.240
<i>Ký quỹ ngắn hạn</i>	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	15.200.000.000	15.400.000.000	15.200.000.000	15.400.000.000
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	5.007.963.680	1.938.920.147	5.007.963.680	1.938.920.147
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.235.033.575</b>	<b>20.504.579.285</b>	<b>23.235.033.575</b>	<b>20.504.579.285</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Phải trả người bán</i>	115.183.019	89.044.144	115.183.019	89.044.144
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	1.099.304.948	1.128.134.252	1.099.304.948	1.128.134.252
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.214.487.967</b>	<b>1.217.178.396</b>	<b>1.214.487.967</b>	<b>1.217.178.396</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**9.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	2015 VND	2014 VND
Lương, thưởng Ban Điều hành Công ty	1.003.429.150	1.726.000.000
Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	227.158.000	206.000.000
	<b>1.230.587.150</b>	<b>1.932.000.000</b>

**9.2 Thông tin về bộ phận**

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ lưu đàu, các dịch vụ hỗ trợ và trong một khu vực địa lý là Thành phố Hồ Chí Minh.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 9.3 Số liệu so sánh

#### 9.3.1 Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

#### 9.3.2 Ảnh hưởng của việc áp dụng qui định kế toán mới, thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc áp dụng qui định kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Phải thu ngắn hạn khác	136	897.205.240	31.039.037	928.244.277	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	31.039.037	(31.039.037)	-	(i)
Quỹ đầu tư phát triển	418	3.240.398.244	1.115.916.954	4.356.315.198	(ii)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	17.400.000.000	(2.000.000.000)	15.400.000.000	(iii)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	2.000.000.000	2.000.000.000	(iii)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Thu nhập khác	31	188.322.071	(120.000.000)	68.322.071	(iv)
Chi phí khác	32	136.083.898	(120.000.000)	16.083.898	(iv)
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>					
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	222.785.891	(54.187.500)	276.973.391	(v)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	86.617.500	54.187.500	32.430.000	(v)

(i) Tăng khoản phải thu ngắn hạn khác do trình bày lại khoản tạm ứng nhận viên từ khoản mục "Tài sản ngắn hạn khác".

(ii) Tăng khoản mục "Quỹ đầu tư phát triển" do trình bày lại số dư "Quỹ dự phòng tài chính".

(iii) Trình bày lại khoản "Đầu tư tài chính ngắn hạn" sang khoản mục "Phải thu về cho vay ngắn hạn".

(iv) Trình bày lại khoản cần trừ giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý.

(v) Trình bày lại khoản nhận ký quỹ, ký cược

#### 9.4 Thông tin khác

Theo Nghị Quyết số 31/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 9 năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần bến bãi vạn tài Sài Gòn thống nhất thông qua việc đăng ký tập trung cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Theo công văn số 6474/UBCK-QLPH ngày 14 tháng 10 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Công ty.

Theo Quyết định 713/QĐ-SGDHN ngày 05 tháng 11 năm 2015, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Thông tin khác (tiếp theo)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 100/2015/GCNCP-VSD ngày 26 tháng 10 năm 2015, Công ty được công nhận đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2015.

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần bến bãi vạn tài Sài Gòn.

Mã chứng khoán: TPS

Mã ISIN: VN000000TPS4

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND.

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

Số lượng cổ phiếu: 1.600.000 cổ phiếu.

Theo thông báo số 1304/TB-SGDHN ngày 19 tháng 11 năm 2015, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo chính thức đưa số cổ phiếu của Công ty cổ phần bến bãi vạn tài Sài Gòn vào giao dịch trên thị trường UPCoM.

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần bến bãi vạn tài Sài Gòn.

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

Mã chứng khoán: TPS

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND.

Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 1.600.000 cổ phiếu.

Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 16.000.000.000

Ngày giao dịch đầu tiên: ngày 01/12/2015

Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên: 18.500 VND/cổ phiếu.

**NGUYỄN THỊ NGỌC DUY**  
Người lập biểu

**BỘ KIM THU NGA**  
Kế toán trưởng

**PHẠM TIẾN DŨNG**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2016